

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 40/2025/KDTM-ST

Ngày 30-5-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Phương T1;
2. Bà Đinh Thị Hồng H1.

Thư ký phiên tòa: Ông Chiêm Tiền Quý N1 - Thư ký Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà Từ Ngọc H2 - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2024/TLST-KDTM ngày 18 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2025/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2025/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V,

Địa chỉ: Số 89 LH, phường L, quận Đ, Thành phố H2; địa chỉ L1 lạc: Tầng 1, số 96 CT, Phường B1, Quận B2, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Gia B3 và ông Phan Lý B4, địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà ACM, số 96 CT, Phường B1, Quận B2, Thành phố H, là người đại diện ủy quyền. (Giấy ủy quyền số 11854/2024/UQ-VPB ngày 07/10/2024). (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH May N,

Địa chỉ: Số 280 đường BTĐ, phường Đ, quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1, chức vụ giám đốc là đại diện theo pháp luật. (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa lần 2).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1967,

Địa chỉ: Số 423/32K LLQ, Phường N2, Quận M1, Thành phố H. (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn, Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là NH V), có ông Trương Gia B3 và ông Phan Lý B4 đại diện ủy quyền, trình bày: Công ty TNHH May N (gọi tắt là Công ty N) vay vốn theo các hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/22370 ngày 25/5/2022, hạn mức 970.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng với mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh may trang phục (trừ trang phục từ da lông). NH V đã giải ngân theo khế ước nhận nợ số: 161222-6831360-ONL-1 ngày 16/12/2022, với số tiền 970.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 21,5%/năm và được cố định trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần theo mức lãi suất quy định của NH V từng thời kỳ. NH V đã gia hạn thời hạn trả nợ cho khoản vay theo Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 03/6/2023; Hợp đồng cho vay số Q11/22404 ngày 14/6/2022, số tiền vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng với mục đích vay mua sắm tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh may trang phục (trừ trang phục từ da lông). NH V đã giải ngân theo khế ước nhận nợ lần 01/Số: Q11/22404-01 ngày 15/6/2022, với số tiền 499.716.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17,6%/năm và được cố định trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần theo mức lãi suất quy định của NH V từng thời kỳ; Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp ngày 31/5/2022, với hạn mức thẻ 30.000.000 đồng, lãi suất trong hạn áp dụng với dư nợ thẻ tín dụng là 32%/năm, lãi suất thẻ tín dụng trong hạn này sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định tại Bản điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp (gọi là Bản điều kiện giao dịch chung), với thời hạn hạn mức tín dụng thẻ đề nghị là 60 tháng.

Để đảm bảo cho các khoản vay, NH V và các bên đã thống nhất áp dụng biện pháp bảo đảm: bảo lãnh toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang theo Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22370/HDBL.01 ngày 25/5/2022 giữa bà L1 với NH V và Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22370/HDBL.02 ngày 25/5/2022 giữa ông N4 với NH V. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì Công ty N đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 25/11/2023 và Công ty N phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định. Tính đến ngày 30/5/2025, Công ty N còn nợ các khoản gồm: tiền gốc là 1.179.945.230 đồng; lãi trong hạn là 6.397.855 đồng; lãi quá hạn là 490.515.916 đồng và lãi chậm trả là 947.681 đồng, tổng cộng: 1.677.806.682 đồng.

Do đó, NH V yêu cầu buộc Công ty N phải trả làm một lần tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/5/2025 là 1.677.806.682 (một tỷ sáu trăm bảy mươi bảy

triệu tám trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm tám mươi hai) đồng, gồm: tiền gốc 1.179.945.230 đồng; lãi trong hạn là 6.397.855 đồng; lãi quá hạn là 490.515.916 đồng; lãi chậm trả là 947.681 đồng và yêu cầu Công ty N phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng có các khế ước nhận nợ đã ký, kể từ ngày 31/5/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán nợ. Trong trường hợp Công ty N không thanh toán hoặc thanh toán không đúng thì bà L1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22370/HDBL.01 ngày 25/5/2022 và ông N4 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22370/HDBL.02 ngày 25/5/2022.

NH V yêu cầu đưa ông T4 là cha ruột, thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N4 để có trách nhiệm kế thừa nghĩa vụ tài sản của người đã chết trong phạm vi di sản được hưởng theo quy định và triệu tập ông T4 tham gia giải quyết vụ án theo quy định vì ông T4 là chồng của bà L1 nên có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan trực tiếp đến tài sản chung của vợ chồng ông T4, bà L1.

NH V xin rút lại một phần yêu cầu về việc buộc Công ty N phải thanh toán tiền nợ thẻ theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp ngày 31/5/2022.

Bị đơn, Công ty TNHH May N (gọi tắt là Công ty N) có bà Nguyễn Thị L1, đại diện theo pháp luật, trình bày: Công ty N đã vay vốn tại NH V theo Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/22370 ngày 25/5/2022, số tiền là 970.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng với mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh may trang phục (trừ trang phục từ da lông) có khế ước nhận nợ số: 161222-6831360-ONL-1 ngày 16/12/2022, với số tiền 970.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng theo mức lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 21,5%/năm và được cố định trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần theo mức lãi suất quy định của NH V từng thời kỳ. NH V đã gia hạn thời hạn trả nợ cho khoản vay theo Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 03/6/2023 và theo Hợp đồng cho vay số Q11/22404 ngày 14/6/2022, số tiền là 500.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay mua sắm tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh may trang phục (trừ trang phục từ da lông) có khế ước nhận nợ lần: 01/Số: Q11/22404-01 ngày 15/6/2022, với số tiền 499.716.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng theo mức lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17,6%/năm và được cố định trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng, lãi suất vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần theo mức lãi suất quy định của NH V từng thời kỳ. Theo các văn bản kèm theo thì Công ty N đã vay vốn của NH V tổng cộng là 1.469.716.000 (một tỷ bốn trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm mười sáu nghìn) đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, Công ty N ban đầu thực hiện đúng cam kết. Tuy nhiên do ảnh hưởng dịch covid 19 nên công ty bị ảnh hưởng nặng nề, tình hình sản xuất bị ngưng trệ. Các khoản vay của Công ty N do bà đại diện vay. Người bảo lãnh gồm bà cùng con trai là ông N4, luôn thực hiện đúng nghĩa vụ trả gốc, lãi cho NH V nhưng đến tháng 9/2023, ông N4 (người bảo lãnh, còn độc thân chưa lập gia đình) đã chết (có trích lục khai tử số 676/TLKT-BS). Do

nổi đau mắt con và công việc làm ăn không thuận lợi nên từ tháng 11/2023 đến nay, Công ty N không trả nợ đúng hạn dẫn đến toàn bộ khoản vay đã chuyển nợ quá hạn. Nay, Công ty N đề nghị NH V khoan nợ, không tính lãi suất, không tính phí phạt và xin được trả nợ dần cho NH V, mỗi tháng trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị L1, trình bày: Bà và ông N4 là người bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty N nhưng hiện nay con trai của bà là ông N4 đã chết nên bà đồng ý sẽ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ cho Công ty N. Bà đề nghị NH V khoan nợ, không tính lãi suất, không tính phí phạt và xin được trả nợ dần cho NH V, mỗi tháng trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa:

* Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là NH V), có ông Trương Gia B3 và ông Phan Lý B4 đại diện ủy quyền xin rút lại một phần yêu cầu về việc buộc Công ty N phải thanh toán tiền nợ thẻ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp ngày 31/5/2022 và rút lại một phần yêu cầu: ông N4 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22370/HDBL.02 ngày 25/5/2022; đưa ông T4 là cha ruột, thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N4 để có trách nhiệm kế thừa nghĩa vụ tài sản của người đã chết trong phạm vi di sản được hưởng theo quy định và triệu tập ông T4 tham gia giải quyết vụ án.

NH V yêu cầu Công ty N trả làm một lần tổng số tiền còn nợ đến ngày 30/5/2025 là 1.677.806.682 đồng, gồm: tiền gốc 1.179.945.230 đồng; lãi trong hạn là 6.397.855 đồng; lãi quá hạn là 490.515.916 đồng; lãi chậm trả là 947.681 đồng và buộc Công ty N phải tiếp tục chịu lãi quá hạn; lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký, kể từ ngày 31/5/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán nợ. Trong trường hợp Công ty N không thanh toán hoặc thanh toán không đúng thì bà L1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22370/HDBL.01 ngày 25/5/2022.

* Công ty TNHH May N (có bà Nguyễn Thị L1, đại diện theo pháp luật) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị L1, có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, trình bày: do sức khỏe không tốt nên không thể trực tiếp tham gia phiên tòa và xin vắng mặt tại phiên tòa trong ngày 30/5/2025, khi nào sức khỏe ổn định sẽ thông báo cho tòa biết và tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tổng đạt các

vấn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định, tuy nhiên về thời hạn xét xử có chậm hơn so với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của NH V, buộc Công ty N trả làm một lần số tiền còn nợ đến ngày 30/5/2025 là 1.677.806.682 đồng và buộc Công ty N phải tiếp tục chịu lãi quá hạn; lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký, kể từ ngày 31/5/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán nợ. Trong trường hợp Công ty N không thanh toán hoặc thanh toán không đúng thì buộc bà L1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22370/HDBL.01 ngày 25/5/2022.

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của NH V về việc buộc Công ty N phải thanh toán tiền nợ thẻ theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp ngày 31/5/2022 và yêu cầu: ông N4 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22370/HDBL.02 ngày 25/5/2022; đưa ông T4 là cha ruột, thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N4 để có trách nhiệm kế thừa nghĩa vụ tài sản của người đã chết trong phạm vi di sản được hưởng theo quy định và triệu tập ông T4 tham gia giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn, Công ty TNHH May N có địa chỉ số 280 đường Đ, phường Đ, quận B, theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H.

[1.1] Công ty TNHH May N (có bà Nguyễn Thị L1, đại diện theo pháp luật) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị L1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với NH V nhưng có đơn trình bày: do sức khỏe không tốt nên không thể trực tiếp tham gia phiên tòa và xin vắng mặt tại phiên tòa trong ngày 30/5/2025, khi nào sức khỏe ổn định sẽ thông báo cho tòa biết và tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH May N và bà Nguyễn Thị L1.

[2] Về nội dung: Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là NH V) với Công ty TNHH May N (gọi tắt là Công ty N) ký Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/22370 ngày 25/5/2022; Hợp đồng cho vay số Q11/22404 ngày 14/6/2022 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp ngày 31/5/2022. Để đảm bảo cho các khoản vay, bà L1 với NH V đã ký Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22370/HDBL.01 ngày 25/5/2022 và ông N4

với NH V đã ký Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22370/HDBL.02 ngày 25/5/2022. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên NH V khởi kiện Công ty N. Qua yêu cầu của NH V và ý kiến của Công ty N; bà Nguyễn Thị L1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Tại phiên tòa, NH V xin rút lại một phần yêu cầu về việc buộc Công ty N phải thanh toán tiền nợ thẻ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp ngày 31/5/2022 và rút lại một phần yêu cầu: ông N4 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22370/HDBL.02 ngày 25/5/2022; đưa ông T4 là cha ruột, thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N4 để có trách nhiệm kế thừa nghĩa vụ tài sản của người đã chết trong phạm vi di sản được hưởng theo quy định và triệu tập ông T4 tham gia giải quyết vụ án.

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu trên của NH V là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên đình chỉ giải quyết yêu cầu trên của NH V.

[2.2] Theo hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/22370 ngày 25/5/2022 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 03/6/2023 có khế ước nhận nợ số: 161222-6831360-ONL-1 ngày 16/12/2022, Công ty N đã vay số tiền 970.000.000 đồng, thời hạn là 12 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh may trang phục (trừ trang phục từ da lông) và NH V đã giải ngân theo khế ước nhận nợ số: 161222-6831360-ONL-1 ngày 16/12/2022 với số tiền 970.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng theo mức lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 21,5%/năm và được cố định trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng, lãi suất vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần theo mức lãi suất quy định của NH V từng thời kỳ đồng thời NH V đã gia hạn thời hạn trả nợ cho khoản vay của Công ty N. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Qua xem xét bảng kê tính lãi đối với khách hàng, tính đến ngày 30/5/2025 thì Công ty N (mã khách hàng 6831360) còn nợ số tiền là 1.311.778.153 đồng, gồm: gốc là 918.229.230 đồng; lãi trong hạn là 2.448.914 đồng; lãi quá hạn là 390.728.983 đồng và lãi chậm trả là 371.027 đồng. Theo hợp đồng cho vay số Q11/22404 ngày 14/6/2022 có khế ước nhận nợ lần 01/Số: Q11/22404-01 ngày 15/6/2022, Công ty N đã vay số tiền là 500.000.000 đồng, thời hạn là 36 tháng, mục đích mua sắm tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh may trang phục (trừ trang phục từ da lông) và NH V đã giải ngân theo khế ước nhận nợ lần: 01/Số: Q11/22404-01 ngày 15/6/2022 với số tiền 499.716.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng theo mức lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17,6%/năm và được cố định trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng, lãi suất vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần theo mức lãi suất quy định của NH V từng thời kỳ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Qua xem xét bảng kê tính lãi đối với khách hàng, tính đến ngày 30/5/2025 thì Công ty N (mã khách hàng 6831360) còn nợ số tiền là 366.028.529 đồng, gồm: gốc là 261.716.000 đồng; lãi trong hạn là 9.984.942 đồng; lãi quá hạn là 99.786.933 đồng và lãi chậm trả là 576.654 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định

đến ngày 30/5/2025, Công ty N (mã khách hàng 6831360) còn nợ tổng cộng là 1.677.806.682 đồng, gồm: tiền gốc là 1.179.945.230 đồng; lãi trong hạn là 6.397.855 đồng; lãi quá hạn là 490.515.916 đồng và lãi chậm trả là 947.681 đồng.

Từ những chứng cứ nói trên, NH V yêu cầu buộc Công ty N phải trả làm một lần số tiền còn nợ là 1.677.806.682 đồng và phải tiếp tục chịu lãi quá hạn; lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký, kể từ ngày 31/5/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán nợ là có căn cứ, nên chấp nhận.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty N và bà Nguyễn Thị L1 có ý kiến đề nghị NH V khoan nợ, không tính lãi suất, không tính phí phạt và xin được trả nợ dần, mỗi tháng trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, không được NH V đồng ý. Do đó, ý kiến của Công ty N và bà L1 về việc đề nghị NH V khoan nợ, không tính lãi suất, không tính phí phạt và xin được trả nợ dần, mỗi tháng trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ là không có căn cứ xem xét.

[3] Đối với yêu cầu của NH V: Trong trường hợp Công ty N không thanh toán hoặc thanh toán không đúng thì bà L1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22370/HDBL.01 ngày 25/5/2022. Hội đồng xét xử, xét thấy:

Theo Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22370/HDBL.01 ngày 25/5/2022 giữa bà L1 với NH V, tại Điều 1, quy định: “*Bên B3 lãnh đồng ý, B4 toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với bên ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng (văn kiện tín dụng) sau đây được ký giữa bên được bảo lãnh với bên ngân hàng: a) Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/EMH/18/0131/HDHM ngày 10/10/2018, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản L1 quan đến hợp đồng này...*”; tại Điều 2 quy định: “*Các bên thống nhất thỏa thuận rằng bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với bên ngân hàng như quy định tại khoản 1 Điều 1 Hợp đồng này một cách vô điều kiện và không hủy ngang ngay khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: a) bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo các văn kiện tín dụng nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này. Trường hợp nội dung của văn kiện tín dụng quy định bên được bảo lãnh phải trả nợ gốc, lãi theo nhiều phân kỳ, nếu bên được bảo lãnh vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi của bất kỳ phân kỳ nào, bên ngân hàng có quyền yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để thu hồi toàn bộ dư nợ gốc, lãi còn lại của các văn kiện tín dụng, không cần chờ hết thời hạn trả nợ cuối cùng...*”. Theo Điều 335 của Bộ luật Dân sự, quy định: “*1. bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây*

gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ; 2. Các bên có thể thỏa thuận về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh trong trường hợp bên được B3 lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh”.

Như vậy, có cơ sở xác định bà L1 cam kết bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ cho Công ty N bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với bên ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được ký giữa bên được bảo lãnh với bên ngân hàng. Do đó, yêu cầu trong trường hợp Công ty N không thanh toán hoặc thanh toán không đúng thì bà L1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22370/HDBL.01 ngày 25/5/2022 đã ký là có căn cứ, nên chấp nhận.

[4] Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của NH V, buộc Công ty N trả làm một lần số tiền còn nợ đến ngày 30/5/2025 là 1.677.806.682 đồng và buộc Công ty N phải tiếp tục chịu lãi quá hạn; lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký, kể từ ngày 31/5/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán nợ. Trong trường hợp Công ty N không thanh toán hoặc thanh toán không đúng thì bà L1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22370/HDBL.01 ngày 25/5/2022. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của NH V về việc buộc Công ty N phải thanh toán tiền nợ thẻ theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp ngày 31/5/2022 và yêu cầu: ông N4 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22370/HDBL.02 ngày 25/5/2022; đưa ông T4 là cha ruột, thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N4 để có trách nhiệm kế thừa nghĩa vụ tài sản của người đã chết trong phạm vi di sản được hưởng theo quy định và triệu tập ông T4 tham gia giải quyết vụ án.

Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát N4 dân quận B tại phiên tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

[5.1] Căn cứ Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì: Công ty N có nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu án phí trên số tiền 1.677.806.682 đồng với số tiền án phí là 62.334.200 đồng.

[5.2] Hoàn trả cho NH V số tiền tạm ứng án phí là 26.453.887 đồng theo biên lai thu số 0048003 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 74; Điều 146; Điều 147; Điều 203; Điều 217; Điều 218; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ Điều 335; Điều 336; Điều 338; Điều 339; Điều 342 và khoản 1 Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của UBTVQH.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V.

1.1. Buộc Công ty TNHH May N phải thanh toán làm một lần cho Ngân hàng TMCP V số tiền vay còn nợ là 1.677.806.682 (một tỷ sáu trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm tám mươi hai) đồng, gồm: tiền gốc 1.179.945.230 đồng; lãi trong hạn là 6.397.855 đồng; lãi quá hạn là 490.515.916 đồng; lãi chậm trả là 947.681 đồng.

1.2. Công ty TNHH May N phải tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/22370 ngày 25/5/2022; Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 03/6/2023 có khế ước nhận nợ số: 161222-6831360-ONL-1 ngày 16/12/2022 và Hợp đồng cho vay số Q11/22404 ngày 14/6/2022 có khế ước nhận nợ lần: 01/Số: Q11/22404-01 ngày 15/6/2022, kể từ ngày 31/5/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán nợ.

1.3. Trường hợp Công ty TNHH May N không thanh toán hoặc thanh toán không đúng các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V thì buộc bà Nguyễn Thị L1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22370/HDBL.01 ngày 25/5/2022.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu về việc buộc Công ty N phải thanh toán tiền nợ thẻ theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp ngày 31/5/2022 và rút lại một phần yêu cầu: ông N4 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22370/HDBL.02 ngày 25/5/2022; đưa ông T4 là cha ruột, thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N4 để có trách nhiệm kế thừa nghĩa vụ tài sản của người đã chết trong phạm vi di sản được hưởng theo quy định và triệu tập ông T4 tham gia giải quyết vụ án.

3. Án phí KDTMST: Công ty TNHH May N phải chịu số tiền án phí là 62.334.200 (sáu mươi hai triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm trăm) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí là 26.453.887 (hai mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn tám trăm tám mươi bảy) đồng

theo biên lai thu số 0048003 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố H.

4. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại địa phương. Đối với yêu cầu khởi kiện do đương sự rút đã được đình chỉ, đương sự được kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích quy định về quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự).

Nơi nhận:

- TAND TP.H;
- VKSND quận B;
- CC THADS quận B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VP (N1).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đoang dấu)
Nguyễn Thành T